

Số: 30/2008/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 21 tháng 05 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu
và hướng dẫn khai báo**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/07/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 03 năm 2007 của Chính phủ về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 40/2008/TT-BTC ngày 21 tháng 05 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 03 năm 2007 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

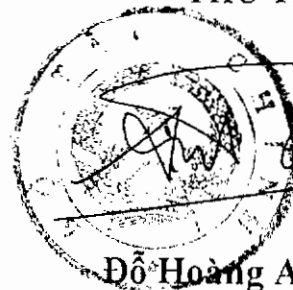
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu và hướng dẫn khai báo trị giá tính thuế trên tờ khai trị giá.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo, áp dụng cho các tờ khai hàng hóa nhập khẩu đăng ký với cơ quan hải quan./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp), Công báo;
- Website Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan các tỉnh, liên tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu VT, TCHQ (3b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn



HƯỚNG DẪN
KHAI BÁO TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ TRÊN TỜ KHAI TRỊ GIÁ

(Ban hành kèm theo quyết định số 30/2008/QĐ-BTC
ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ Tài chính)

I. QUY ĐỊNH CHUNG.

1. Đối tượng áp dụng.

Hàng hoá nhập khẩu thuộc đối tượng xác định trị giá tính thuế theo quy định tại Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải khai báo trị giá tính thuế trên tờ khai trị giá tính thuế hoặc mẫu khai báo trị giá tính thuế (sau đây gọi chung là tờ khai trị giá tính thuế).

Tờ khai trị giá tính thuế bao gồm các loại sau đây:

a) Tờ khai trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu ký hiệu HQ/2008-TGTT và phụ lục tờ khai trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu ký hiệu HQ/2008-PLTG, áp dụng cho phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu.

b) Các mẫu khai báo trị giá tính thuế.

- Mẫu PP2 áp dụng cho phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu giống hệt.

- Mẫu PP3 áp dụng cho phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu tương tự.

- Mẫu PP4 áp dụng cho phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá khấu trừ.

- Mẫu PP5 áp dụng cho phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá tính toán.

- Mẫu PP6 áp dụng cho phương pháp xác định trị giá tính thuế theo phương pháp suy luận.

2. Quy định về khai báo.

a) Trị giá tính thuế khai báo trên tờ khai trị giá tính thuế là trị giá tính thuế của một đơn vị hàng hoá nhập khẩu.

b) Người khai hải quan có nghĩa vụ kê khai đầy đủ, chính xác, các nội dung trong tờ khai trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu và chịu trách nhiệm pháp lý về các nội dung đã kê khai.

c) Trường hợp xác định trị giá tính thuế theo phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu, người khai hải quan phải khai báo trên Tờ khai trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu HQ/2008-TGTT và phụ lục tờ khai trị giá HQ/2008-PLTG.

d) Trường hợp xác định trị giá tính thuế theo phương pháp khác, người khai hải quan sử dụng mẫu khai báo trị giá tính thuế phù hợp theo từng phương pháp để khai báo. Người khai hải quan có thể tự thiết kế mẫu khai báo trị giá tính thuế cho phù hợp với hồ sơ nhập khẩu nhưng phải đảm bảo đầy đủ các nội dung được quy định trong mẫu khai báo trị giá tính thuế đó.

đ) Để đảm bảo tính thống nhất giữa tờ khai trị giá với tờ khai hàng hoá nhập khẩu (HQ/2002-NK), các mặt hàng khai báo trên tờ khai HQ/2002-NK phải được đánh số liên tục.

Ví dụ: Phụ lục 1 tờ khai HQ/2002-NK: số thứ tự các mặt hàng: 1 - 9; Phụ lục 2 tờ khai HQ/2002-NK: số thứ tự phải đánh tiếp theo là 10.

3. Tính pháp lý của tờ khai trị giá

a) Tờ khai trị giá là bộ phận không tách rời của tờ khai hàng hoá nhập khẩu (HQ/2002-NK) và được nộp kèm theo tờ khai HQ/2002-NK khi làm thủ tục hải quan.

b) Tờ khai trị giá phải lập thành 02 bản, một bản lưu cơ quan hải quan, một bản lưu chủ hàng.

c) Tờ khai trị giá được lưu trữ cùng với tờ khai hàng hoá nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

II. HƯỚNG DẪN KHAI BÁO TRÊN TỜ KHAI TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU HQ/2008-TGTT VÀ PHỤ LỤC TỜ KHAI TRỊ GIÁ HQ/2008-PLTG.

1. Hình thức, kích thước tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu

a) Tờ khai trị giá được in trên 2 mặt giấy khổ A4, chữ đen, nền màu vàng có biểu tượng hải quan in chìm.

b) Ngôn ngữ sử dụng: tiếng Việt.

2. Kết cấu tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu

a) Mặt trước của tờ khai:

b) Người khai hải quan có nghĩa vụ kê khai đầy đủ, chính xác các nội dung trong tờ khai trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu và chịu trách nhiệm pháp lý về các nội dung đã kê khai.

c) Trường hợp xác định trị giá tính thuế theo phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu, người khai hải quan phải khai báo trên Tờ khai trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu HQ/2008-TGTT và Phụ lục tờ khai trị giá HQ/2008-PLTG.

d) Trường hợp xác định trị giá tính thuế theo phương pháp khác, người khai hải quan sử dụng mẫu khai báo trị giá tính thuế phù hợp theo từng phương pháp để khai báo. Người khai hải quan có thể tự thiết kế mẫu khai báo trị giá tính thuế cho phù hợp với hồ sơ nhập khẩu nhưng phải đảm bảo đầy đủ các nội dung được quy định trong mẫu khai báo trị giá tính thuế đó.

đ) Để đảm bảo tính thống nhất giữa tờ khai trị giá với tờ khai hàng hoá nhập khẩu (HQ/2002-NK), các mặt hàng khai báo trên tờ khai HQ/2002-NK phải được đánh số liên tục.

Ví dụ: Phụ lục 1 tờ khai HQ/2002-NK: số thứ tự các mặt hàng: 1 - 9; Phụ lục 2 tờ khai HQ/2002-NK: số thứ tự phải đánh tiếp theo là 10.

3. Tính pháp lý của tờ khai trị giá

a) Tờ khai trị giá là bộ phận không tách rời của tờ khai hàng hoá nhập khẩu (HQ/2002-NK) và được nộp kèm theo tờ khai HQ/2002-NK khi làm thủ tục hải quan.

b) Tờ khai trị giá phải lập thành 02 bản, một bản lưu cơ quan hải quan, một bản lưu chủ hàng.

c) Tờ khai trị giá được lưu trữ cùng với tờ khai hàng hoá nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

II. HƯỚNG DẪN KHAI BÁO TRÊN TỜ KHAI TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU HQ/2008-TGTT VÀ PHỤ LỤC TỜ KHAI TRỊ GIÁ HQ/2008-PLTG.

1. Hình thức, kích thước tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu

a) Tờ khai trị giá được in trên 2 mặt giấy khổ A4, chữ đen, nền màu vàng có biểu tượng hải quan in chìm.

b) Ngôn ngữ sử dụng: tiếng Việt.

2. Kết cấu tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu

a) Mặt trước của tờ khai:

Phần tiêu đề của tờ khai trị giá (*Kèm theo tờ khai hàng hoá nhập khẩu HQ/2002-NK số...../NK/...../.....ngày...../...../200..*), dành riêng cho công chức hải quan ghi chép.

Tiêu thức 1 đến tiêu thức 24 là phần khai báo của người khai hải quan.

b) Mặt sau của tờ khai:

- Từ tiêu thức 6 đến tiêu thức 25 là phần khai báo của người khai hải quan.
- Tiêu thức 26, tiêu thức 27 dành riêng cho công chức hải quan ghi chép.

3. Hướng dẫn khai báo tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu.

- Tờ khai trị giá được sử dụng để khai báo cho tối đa 08 mặt hàng. Các mặt hàng có các tiêu thức từ tiêu thức 1 đến tiêu thức 5 giống nhau được khai báo trên cùng một tờ khai trị giá. Nếu trong lô hàng nhập khẩu có nhiều mặt hàng có các tiêu thức từ tiêu thức 1 đến tiêu thức 5 không giống nhau thì phải khai báo trên nhiều tờ khai trị giá.

- Trường hợp hàng hoá nhập khẩu có trên 08 mặt hàng:

+ Người khai hải quan tự lập phụ lục tờ khai trị giá, đảm bảo đầy đủ các nội dung quy định tại mẫu HQ/2008-PLTG.

+ Trên tờ khai trị giá HQ/2008-TGTT: người khai hải quan không khai báo các tiêu thức từ tiêu thức 6 đến tiêu thức 24, các tiêu thức còn lại khai báo như hướng dẫn.

- Nguyên tắc phân bổ để kê khai:

Trường hợp có các chi phí liên quan đến nhiều mặt hàng khác nhau nhưng các chứng từ liên quan không quy định cụ thể chi phí cho từng mặt hàng thì người khai hải quan phân bổ các chi phí đó theo tỷ lệ trị giá của từng mặt hàng trên tổng trị giá của lô hàng, trừ các khoản chi phí vận tải, bảo hiểm đã được quy định cách phân bổ tại Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Phân khai báo trên tờ khai:

PHẦN KHAI BÁO CỦA NGƯỜI KHAI HẢI QUAN

| | |
|---|---|
| Tờ số ... /...tờ (Phụ lục số.../...tờ) | Ghi số thứ tự từng tờ khai trị giá (phụ lục tờ khai trị giá)/ tổng số tờ khai trị giá (phụ lục tờ khai trị giá). Ví dụ: Lô hàng nhập khẩu có 13 mặt hàng và khai báo trên 03 tờ khai trị giá: Tờ số ..1../.3..tờ; Tờ số ..2../.3..tờ; Tờ số ..3../.3..tờ. |
| Số lượng phụ lục tờ khai trị giá | Ghi số lượng phụ lục tờ khai trị giá đi kèm mỗi tờ khai trị giá. |
| Tiêu thức 1 | Ghi ngày phát hành vận đơn. |
| ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG TRỊ GIÁ GIAO DỊCH | |
| Tiêu thức 2 | Khai báo CÓ nếu người mua có đầy đủ quyền định đoạt, quyền sử dụng hàng hoá sau khi nhập khẩu. Khai báo KHÔNG nếu người mua không có đầy đủ quyền định đoạt, quyền |

| | |
|--|--|
| | sử dụng hàng hoá sau khi nhập khẩu. |
| Tiêu thức 3 | <p>Khai báo CÓ nếu việc bán hàng hay giá cả hàng hoá có phụ thuộc vào một số điều kiện dẫn đến việc không xác định được trị giá của hàng hoá cần xác định trị giá tính thuế.</p> <p><u>Ví dụ:</u> Vở và bút được đóng gói chung để bán lẻ. Người mua và người bán thoả thuận đơn giá cho từng gói hàng để bán lẻ, vì vậy không thể xác định được đơn giá của từng mặt hàng bút, vở.</p> <p>Khai báo KHÔNG nếu việc bán hàng hay giá cả của hàng hoá không phụ thuộc vào bất kỳ điều kiện nào.</p> |
| Tiêu thức 4 | <p>Khai báo CÓ nếu sau khi bán lại, chuyển nhượng hoặc sử dụng hàng hoá người mua phải trả thêm khoản tiền từ số tiền thu được do việc định đoạt hàng hoá nhập khẩu mang lại.</p> <p>Nếu trên đây đã khai báo CÓ thì khai báo tiếp khoản tiền đó có phải là khoản tiền nêu tại tiêu thức 15 hay không:</p> <p>Khai báo KHÔNG, người khai hải quan sử dụng phương pháp khác để xác định trị giá tính thuế.</p> <p>Khai báo CÓ, người khai hải quan tiếp tục khai báo trên tờ khai này.</p> |
| Tiêu thức 5 | <p>Khai báo CÓ nếu mối quan hệ đặc biệt giữa người mua và người bán thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 12 Điều 2 Nghị định 40/2007/NĐ-CP.</p> <p>Khai báo mối quan hệ đó có ảnh hưởng đến trị giá giao dịch hay không.</p> <p>Khai báo KHÔNG nếu mối quan hệ giữa người mua và người bán không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 12 Điều 2 Nghị định 40/2007/NĐ-CP.</p> <p>Trường hợp mối quan hệ đặc biệt ảnh hưởng đến giá cả, người khai hải quan sử dụng phương pháp tiếp theo để xác định trị giá tính thuế.</p> |
| PHẦN XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ | |
| Tiêu thức 6 | Không khai báo chi tiết tên hàng mà chỉ ghi số thứ tự của từng mặt hàng theo số thứ tự đã khai báo tại tiêu thức 17 tờ khai hàng hoá nhập khẩu (HQ/2002-NK) hoặc phụ lục tờ khai hàng hoá nhập khẩu. |
| I. TRỊ GIÁ GIAO DỊCH | |
| Tiêu thức 7 | <p>Khai báo đơn giá nguyên tệ.</p> <p>Ví dụ 1: Hoá đơn thương mại thể hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá hoá đơn: 1000 USD/bộ CIF Hà nội, khai báo tại tiêu thức 7. - Phí giấy phép: 20 USD/bộ, khai báo tại tiêu thức 14. <p>Ví dụ 2: Hoá đơn thương mại thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá hoá đơn: 1000 USD/ bộ FOB Hà nội, khai báo tại tiêu thức 7 - Chi phí vận chuyển (F) 100 USD/ bộ, khai báo tại tiêu thức 16. |

| | |
|--------------------------------------|--|
| | <p>- Chi phí bảo hiểm (I) 7 USD/bộ, khai báo tại tiêu thức 17.</p> <p>* Trong ví dụ 1 giá ghi trên hoá đơn thương mại bao gồm cả phí vận chuyển, phí bảo hiểm thì không cần tách riêng các chi phí này ra để khai báo vào các tiêu thức 16 và tiêu thức 17.</p> |
| Tiêu thức 8 | <p>- Khai báo các khoản thanh toán gián tiếp quy định tại điểm c khoản 2 Mục I Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu nếu như chúng chưa bao gồm trong giá mua ghi trên hoá đơn thương mại (tiêu thức 7).</p> <p>- Trường hợp việc mua bán hàng hoá hay giá cả của hàng hoá phụ thuộc vào một hay một số điều kiện đã khai báo tại tiêu thức 3, nhưng người mua có tài liệu khách quan, hợp lệ để xác định mức ảnh hưởng bằng tiền của sự phụ thuộc đó, thì người khai hải quan khai báo khoản tiền được giảm do sự ảnh hưởng đó tại tiêu thức này.</p> |
| | <p><u>Ví dụ:</u> Người xuất khẩu thoả thuận bán cho người nhập khẩu hàng hoá A với mức giá giảm 1.000 USD/tổng trị giá lô hàng nếu người nhập khẩu chấp nhận mua kèm hàng hoá B, 1000 USD sẽ phải khai báo tại tiêu thức 8 tương ứng với hàng hoá A, sau khi đã phân bổ đều cho lượng hàng hoá nhập khẩu A.</p> |
| Tiêu thức 9 | <p>Khai báo các khoản trả trước, ứng trước, đặt cọc liên quan đến việc mua hàng hoá nhập khẩu, nếu chúng chưa bao gồm trong giá mua ghi trên hoá đơn thương mại (tiêu thức 7).</p> |
| II. CÁC KHOẢN PHẢI CỘNG | |
| Tiêu thức 10 đến tiêu thức 17 | <p>Người khai hải quan đối chiếu với quy định tại khoản 1, khoản 2 Mục VII Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để kê khai.</p> <p>Chỉ khai báo các khoản điều chỉnh cộng do người mua phải trả, liên quan đến hàng hoá nhập khẩu và chúng chưa bao gồm trong giá mua ghi trên hoá đơn (tiêu thức 7).</p> |
| Tiêu thức 14 | <p>Trường hợp tại thời điểm kê khai hải quan không xác định được tiền bản quyền, phí giấy phép để kê khai thì ghi vào ô tương ứng "<i>Khai báo sau</i>".</p> |
| III. CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ | |
| Tiêu thức 18 đến tiêu thức 22 | <p>Người khai hải quan đối chiếu với quy định tại khoản 1, khoản 3 Mục VII Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để kê khai.</p> <p>Chỉ khai báo các khoản điều chỉnh trừ nếu chúng đã bao gồm trong trị giá giao dịch (tiêu thức 7, tiêu thức 8, tiêu thức 9).</p> |

| | |
|---------------------|---|
| Tiêu thức 22 | Khoản giảm giá được phép khấu trừ phải được thực hiện trước khi xếp hàng lên phương tiện vận chuyển ở nước xuất khẩu hàng hoá và được lập thành văn bản nộp cùng với tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu. Người khai hải quan có trách nhiệm khai báo khoản giảm giá trên tờ khai trị giá. |
| Tiêu thức 23 | Được xác định bằng tổng các tiêu thức từ 7 đến 17 và trừ đi các tiêu thức từ 18 đến 22. |
| Tiêu thức 24 | Trị giá tính thuế của một đơn vị hàng hoá bằng đơn vị tiền Việt Nam được xác định bằng phép nhân giữa tiêu thức 23 trên tờ khai trị giá và tỷ giá tính thuế tại tiêu thức 15 tờ khai HQ/2002-NK. |
| Tiêu thức 25 | Người khai hải quan ghi rõ ngày, tháng, năm khai báo; ký và ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu đơn vị. |

PHẦN DÀNH CHO CÔNG CHỨC HẢI QUAN

| | |
|------------------------------------|---|
| Tiêu đề của tờ khai trị giá | Công chức hải quan tiếp nhận, đăng ký tờ khai trị giá ghi số, ngày đăng ký tờ khai hàng hoá nhập khẩu (HQ/2002-NK) của lô hàng đang được khai báo trị giá. |
| Tiêu thức 26 | Công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá ghi chép các thông tin liên quan đến việc xác định trị giá vào bản lưu tại cơ quan hải quan để chuyển đến các khâu nghiệp vụ sau và ký, ghi rõ họ tên. Bản trả cho người khai hải quan, công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá chỉ ký và ghi rõ họ tên. * Trường hợp người khai hải quan khai báo trên phụ lục tờ khai trị giá, công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá vẫn ghi chép đầy đủ vào tiêu thức này. |
| Tiêu thức 27 | Công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá tính thuế ghi chép ý kiến về nội dung xác định trị giá tính thuế của người khai hải quan và ký, ghi rõ họ tên vào bản lưu tại cơ quan Hải quan, không ghi vào bản trả cho người khai hải quan. - Chấp nhận kết quả xác định trị giá tính thuế. - Không chấp nhận trị giá khai báo, xác định lại trị giá tính thuế, ghi rõ phương pháp được sử dụng. - Yêu cầu tham vấn. - Yêu cầu kiểm tra sau thông quan, lý do. - Các nội dung phải tiếp tục kiểm tra. - Ghi chép nghiệp vụ khác. * Trường hợp người khai hải quan khai báo trên phụ lục tờ khai trị giá, công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá tính thuế vẫn ghi chép đầy đủ vào tiêu thức này. |

III. HƯỚNG DẪN KHAI BÁO TRÊN CÁC MẪU PP2, PP3, PP4, PP5, PP6

a) Phần dành cho công chức hải quan

- Gồm các tiêu thức:

+ Tiêu đề của tờ khai trị giá: *Kèm theo tờ khai hàng hoá nhập khẩu số.....ngày....tháng... năm...*

+ *Ghi chép của công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá ký, ghi rõ họ tên.*

+ *Ghi chép của công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá tính thuế.*

- Công chức hải quan căn cứ hướng dẫn khai báo tại điểm a hướng dẫn này (*Phần dành cho công chức hải quan*) để ghi chép.

b) Phần dành cho người khai hải quan

b.1) Khai báo trên mẫu PP2 (phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu giống hệt), mẫu PP3 (phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu tương tự):

- *Tờ số.../...tờ*: Người khai hải quan ghi số thứ tự của từng tờ khai trị giá/tổng số tờ khai trị giá.

- *Tên hàng hoá cần xác định trị giá tính thuế*: Người khai hải quan ghi rõ tên hàng, quy cách, phẩm chất của hàng hoá theo hợp đồng thương mại.

- *Tên hàng hoá nhập khẩu giống hệt/Tên hàng hoá nhập khẩu tương tự*: người khai hải quan khai báo theo kết quả kiểm hoá của hàng hoá nhập khẩu giống hệt/hàng hoá nhập khẩu tương tự.

- *Ngày xuất khẩu*: Ghi ngày phát hành vận đơn của lô hàng đó.

- *Xác định trị giá tính thuế và giải trình*: Người khai hải quan căn cứ mục II, mục III Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để khai báo và xác định trị giá tính thuế nguyên tệ của mặt hàng đang cần xác định trị giá.

- *Các khoản điều chỉnh*:

Trong trường hợp hàng hoá nhập khẩu giống hệt/hàng hoá nhập khẩu tương tự không có cùng điều kiện mua bán với lô hàng đang xác định trị giá tính thuế thì người khai hải quan phải xác định từng khoản điều chỉnh tương ứng, nếu là điều chỉnh tăng thì đánh dấu cộng (+), nếu là điều chỉnh giảm thì đánh dấu trừ (-) trước khoản điều chỉnh đó và ghi vào cột “nguyên tệ”.

- *Giải trình các khoản điều chỉnh*: Người khai hải quan giải trình cụ thể cách xác định từng khoản điều chỉnh.

- *Chứng từ kèm theo*:

+ Liệt kê các chứng từ quy định tại Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Ghi các số liệu, chứng từ đã sử dụng để xác định các khoản điều chỉnh.

- *Phần cam đoan của người khai hải quan:* Người khai hải quan ghi ngày, tháng, năm khai báo và ký xác nhận, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu đơn vị trên tờ khai trị giá.

b.2) Khai báo trên mẫu PP4 (phương pháp trị giá khấu trừ)

- *Tờ số.../...tờ:* Người khai hải quan ghi số thứ tự của từng tờ khai trị giá/tổng số tờ khai trị giá.

- *Tên hàng hoá cần xác định trị giá tính thuế:* Người khai hải quan ghi rõ tên hàng, quy cách, phẩm chất của hàng hoá theo hợp đồng thương mại.

- *Tên hàng hoá nhập khẩu đã bán lại trong nước được lựa chọn để khấu trừ:* người khai hải quan khai báo theo kết quả kiểm hoá.

- *Xác định trị giá tính thuế và giải trình:*

+ *Đơn giá bán trên thị trường Việt Nam:* Trường hợp đơn giá bán được lựa chọn để khấu trừ được tính trên đơn vị hàng hoá khác với đơn vị hàng hoá của lô hàng nhập khẩu đang xác định trị giá tính thuế thì phải điều chỉnh đơn giá phù hợp với đơn vị hàng hoá của lô hàng đang xác định trị giá tính thuế trước khi tiến hành khấu trừ.

+ *Các khoản được khấu trừ tính trên một đơn vị hàng hoá:* Người khai hải quan đối chiếu với quy định tại khoản 3 Mục IV Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để khai báo.

Riêng đối với “Khoản lợi nhuận và chi phí quản lý chung” người khai hải quan phải tính toán tỷ lệ phần trăm so với đơn giá bán và khai báo vào cột “tỷ lệ phần trăm so với giá bán”.

- *Giải trình các khoản được khấu trừ:* Người khai hải quan ghi rõ:

+ Căn cứ tính toán (nguồn số liệu,...).

+ Phương pháp tính toán số học.

- *Chứng từ kèm theo:*

Người khai hải quan kê khai tên các loại chứng từ đã sử dụng để xác định trị giá tính thuế và được nộp cùng tờ khai trị giá tính thuế.

- *Phần cam đoan của người khai hải quan:* Người khai hải quan ghi ngày/tháng/năm khai báo và ký xác nhận, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu đơn vị trên tờ khai trị giá.

b.3) Khai báo trên mẫu PP5 (phương pháp trị giá tính toán)

- *Tờ số.../...tờ:* Người khai hải quan ghi số thứ tự của từng tờ khai trị giá/tổng số tờ khai trị giá.

- *Tên hàng hoá cần xác định trị giá tính thuế:* Người khai hải quan ghi rõ tên hàng, quy cách, phẩm chất của hàng hoá theo hợp đồng thương mại.

- *Tên, địa chỉ đơn vị cung cấp số liệu về chi phí sản xuất:* Người khai hải quan khai báo rõ tên, địa chỉ của người sản xuất hay đại diện của người sản xuất, đã cung cấp thông tin để xác định trị giá tính toán

- *Xác định trị giá tính thuế và giải trình:*

Người khai hải quan căn cứ các quy định tại Mục V Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để khai báo.

- *Phương pháp kế toán đã áp dụng và chứng từ đã sử dụng:* Người khai hải quan khai báo rõ phương pháp kế toán, chứng từ, tài liệu đã sử dụng để xác định trị giá tính toán.

- *Phân cam đoan của người khai hải quan:* Người khai hải quan ghi ngày/tháng/năm khai báo và ký xác nhận, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu đơn vị trên tờ khai trị giá.

b.4) Khai báo trên mẫu PP6 (phương pháp suy luận)

- *Tờ số.../...tờ:* Người khai hải quan ghi số thứ tự của từng tờ khai trị giá/tổng số tờ khai trị giá.

- *Tên hàng hoá cần xác định trị giá tính thuế:* Người khai hải quan ghi rõ tên hàng, quy cách, phẩm chất của hàng hoá theo hợp đồng thương mại.

- *Các thông tin được sử dụng để xác định trị giá tính thuế:* Khai báo chi tiết nguồn thông tin được khai thác để xác định trị giá tính thuế (số ngày đăng ký tờ khai hàng hoá nhập khẩu giống hệt/tương tự; số, ngày hoá đơn bán lại hàng hoá nhập khẩu trên thị trường Việt Nam; thông tin thu được từ người sản xuất;...).

- *Xác định trị giá tính thuế:* Người khai hải quan căn cứ quy định tại Mục VI Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để khai báo cách xác định trị giá tính thuế.

- *Giải trình:* Người khai hải quan giải trình cụ thể về cách thức xác định trị giá tính thuế.

**KHAI BÁO TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ THEO PHƯƠNG PHÁP TRỊ GIÁ GIAO DỊCH
CỦA HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU GIỐNG HẾT**

Kèm theo tờ khai hàng hoá nhập khẩu số ngày.... tháng.....năm 200...
Tờ số...../.....tờ

I. Lý do không áp dụng phương pháp trị giá giao dịch:

II. Tên hàng hoá cần xác định trị giá tính thuế:

Số thứ tự trên tờ khai nhập khẩu:

Ngày xuất khẩu:

III. Tên hàng hoá nhập khẩu giống hết:

Số thứ tự trên tờ khai nhập khẩu

Tờ khai hàng hoá nhập khẩu số ngày.....thángnăm 200... đăng ký tại
Chi cục hải quan Cục Hải quan Ngày xuất khẩu:

IV. Xác định trị giá tính thuế và giải trình:

| | Nguyên tệ |
|---|-----------|
| 1. Trị giá tính thuế của hàng hoá nhập khẩu giống hết | |
| 2. Các khoản điều chỉnh (+/-) | |
| (a) Điều chỉnh về cấp độ thương mại | |
| (b) Điều chỉnh về số lượng | |
| (c) Điều chỉnh các khoản giảm giá khác | |
| (d) Điều chỉnh về chi phí vận tải | |
| (đ) Điều chỉnh về phí bảo hiểm | |
| 3. Trị giá tính thuế nguyên tệ của hàng hoá cần xác định trị giá tính thuế = (1) ± (2) | |
| 4. Trị giá tính thuế bằng Đồng Việt Nam = (3) x tỷ giá | |

Giải trình các khoản điều chỉnh và chứng từ kèm theo:

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên đây.
Ngày tháng ... năm 200

Ghi chép của công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá

Ghi chép của công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá tính thuế

Ghi rõ họ tên, chức danh, ký, đóng dấu)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

**KHAI BÁO TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ THEO PHƯƠNG PHÁP TRỊ GIÁ
GIAO DỊCH CỦA HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU TƯƠNG TỰ**

Kèm theo tờ khai hàng hoá nhập khẩu số ngày.... tháng....năm 200...

Tờ số...../.....tờ

I. Lý do không áp dụng các phương pháp xác định trị giá tính thuế trước đó:

II. Tên hàng hoá cần xác định trị giá tính thuế:

Số thứ tự trên tờ khai nhập khẩu:

Ngày xuất khẩu:

III. Tên hàng hoá nhập khẩu tương tự:

Số thứ tự trên tờ khai nhập khẩu

Tờ khai hàng hoá nhập khẩu số ngày.....thángnăm 200... đăng ký tại
Chi cục hải quan Cục Hải quan Ngày xuất khẩu:

IV. Xác định trị giá tính thuế và giải trình:

| | Nguyên tệ |
|---|-----------|
| 1. Trị giá tính thuế của hàng hoá nhập khẩu tương tự | |
| 2. Các khoản điều chỉnh (+/-) | |
| (a) Điều chỉnh về cấp độ thương mại | |
| (b) Điều chỉnh về số lượng | |
| (c) Điều chỉnh các khoản giám giá khác | |
| (d) Điều chỉnh về chi phí vận tải | |
| (đ) Điều chỉnh về phí bảo hiểm | |
| 3. Trị giá tính thuế nguyên tệ của hàng hoá cần xác định trị giá tính thuế = (1) ± (2) | |
| 4. Trị giá tính thuế bằng Đồng Việt Nam = (3) x tỷ giá | |

Giải trình các khoản điều chỉnh và chứng từ kèm theo:

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên đây.
Ngày tháng ... năm 200

Ghi chép của công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá

Ghi chép của công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá tính thuế

(Người khai hải quan ghi rõ họ tên, chức danh, ký, đóng dấu)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

KHAI BÁO TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ THEO PHƯƠNG PHÁP TRỊ GIÁ KHẤU TRỪ

Kèm theo tờ khai hàng hoá nhập khẩu số ngày tháng.... năm 200...

Tờ số...../.....tờ

I. Lý do không áp dụng các phương pháp xác định trị giá tính thuế trước đó:

II. Tên hàng hoá cần xác định trị giá tính thuế:

Số thứ tự trên tờ khai hàng hoá nhập khẩu:

III. Tên hàng hoá nhập khẩu đã bán lại trong nước được lựa chọn để khấu trừ:

IV. Xác định trị giá tính thuế và giải trình:

| | Đồng Việt Nam | Tỷ lệ (%) so với giá bán |
|---|---------------|--------------------------------|
| 1. Đơn giá bán trên thị trường Việt Nam | | |
| 2. Các khoản được khấu trừ (tính trên một đơn vị hàng hoá) | | |
| - Tiền hoa hồng | | |
| - Khoản lợi nhuận và chi phí quản lý chung | | |
| - Chi phí vận tải, bốc xếp, chuyển hàng nội địa | | |
| - Chi phí bảo hiểm nội địa | | |
| - Phí/lệ phí/thuế | | |

3. Trị giá tính thuế bằng đồng Việt Nam của hàng hoá nhập khẩu cần xác định trị giá tính thuế = (1) - (2)

Giải trình các khoản điều chỉnh và chứng từ kèm theo:

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên đây.

Ngày tháng ... năm 200

Ghi chép của công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá

Ghi chép của công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá tính thuế

(Ghi rõ họ tên, chức danh, ký, đóng dấu)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

KHAI BÁO TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ THEO PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN

Kèm theo tờ khai hàng hoá nhập khẩu số ngày tháng.....năm 200...

Tờ số/.....tờ

I. Tên hàng hoá cần xác định trị giá tính thuế:

Số thứ tự trên tờ khai nhập khẩu

II. Tên, địa chỉ đơn vị cung cấp số liệu về chi phí sản xuất**III. Xác định trị giá tính thuế và giải trình:**

| | Trị giá nguyên tệ |
|--|-------------------|
| 1. Giá thành sản phẩm | |
| 2. Các chi phí phải điều chỉnh | |
| - Hoa hồng bán hàng và phí môi giới | |
| - Chi phí bao bì gắn liền với hàng hoá | |
| - Chi phí đóng gói hàng hoá | |
| - Các khoản trợ giúp | |
| - Tiền bản quyền, phí giấy phép | |
| - Tiền thu được phải trả sau khi định đoạt hay sử dụng hàng hoá | |
| - Chi phí vận tải, bốc xếp, chuyển hàng | |
| - Chi phí bảo hiểm hàng hoá | |
| 3. Lợi nhuận và chi phí chung | |
| 4. Phí, lệ phí và thuế phải nộp (mà không được hoàn trả) | |
| 5. Trị giá tính thuế nguyên tệ của hàng hóa đang cần xác định trị giá | |
| 6. Trị giá tính thuế bằng Đồng Việt Nam = (5) x tỷ giá | |

IV. Phương pháp kế toán đã áp dụng và các chứng từ đã sử dụng

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên đây.

Ngày tháng ... năm 200

Ghi chép của công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá

Ghi chép của công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá tính thuế

Ghi rõ họ tên, chức danh, ký, đóng dấu)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

KHAI BÁO TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ THEO PHƯƠNG PHÁP SUY LUẬN

Kèm theo tờ khai hàng hoá nhập khẩu số ngày... tháng... năm 200...

Tờ số/.....tờ

I. Tên hàng hoá cần xác định trị giá tính thuế:

Số thứ tự trên tờ khai nhập khẩu

II. Các thông tin được sử dụng để xác định trị giá tính thuế

-

-

-

Chứng từ kèm theo:

III. Xác định trị giá tính thuế và giải trình**1. Lựa chọn cách xác định trị giá tính thuế****2. Giải trình:****3. Trị giá tính thuế nguyên tệ của hàng hoá nhập khẩu cần xác định trị giá tính thuế:****4. Trị giá tính thuế bằng đồng Việt Nam = (3) x tỷ giá**

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên đây.

Ngày tháng ... năm 200

Ghi chép của công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá

Ghi chép của công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá tính thuế

Ghi rõ họ tên, chức danh, ký, đóng dấu)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

TỜ KHAI TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU

Kèm theo tờ khai hàng hoá nhập khẩu HQ/2002-NK số/NK/...../.....ngày...../...../200

Tờ số/.....tờ

Số lượng phụ lục tờ khai trị giá:..... tờ

HQ/2008-TGTT

| | | | | | |
|--|--|-------------|--------------------------|--------------------------|-------------|
| 1. Ngày xuất khẩu: Ngày tháng năm 200.... | | | | | |
| ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG TRỊ GIÁ GIAO DỊCH | | | | | |
| 2. Người mua có đầy đủ quyền định đoạt, quyền sử dụng hàng hoá sau khi nhập khẩu không ? | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | |
| | | | Có | Không | |
| 3. Việc bán hàng hay giá cả có phụ thuộc vào điều kiện nào dẫn đến việc không xác định được trị giá của hàng hoá nhập khẩu không ? | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | |
| | | | Có | Không | |
| 4. Người mua có phải trả thêm khoản tiền nào từ số tiền thu được do việc định đoạt, sử dụng hàng hoá nhập khẩu không? Nếu Có, có phải là khoản tiền khai báo tại tiêu thức 15 không ? | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | |
| | | | Có | Không | |
| 5. Người mua và người bán có mối quan hệ đặc biệt hay không ? Nếu Có, nêu rõ mối quan hệ đó Mối quan hệ đặc biệt có ảnh hưởng đến trị giá giao dịch không ? | | | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | |
| | | | Có | Không | |
| PHẦN XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ | | | | | |
| 6. Số thứ tự mặt hàng trong tờ khai hàng hoá nhập khẩu | | Mặt hàng số | Mặt hàng số | Mặt hàng số | Mặt hàng số |
| | | | | | |
| I. TRỊ GIÁ CƠ SỞ | 7. Giá mua ghi trên hoá đơn | | | | |
| | 8. Khoản thanh toán gián tiếp | | | | |
| | 9. Khoản tiền trả trước, ứng trước, đặt cọc | | | | |
| II. CÁC KHOẢN PHẢI CỘNG | 10. Chi phí hoa hồng bán hàng/phí môi giới | | | | |
| | 11. Chi phí bao bì gắn liền với hàng hoá | | | | |
| | 12. Chi phí đóng gói | | | | |
| | 13. Các khoản trợ giúp người mua cung cấp miễn phí hoặc giảm giá: | | | | |
| | a. Nguyên vật liệu, bộ phận cấu thành, phụ tùng, chi tiết tương tự | | | | |
| | b. Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng tiêu hao | | | | |
| | c. Công cụ, dụng cụ, khuôn rập, khuôn đúc, khuôn mẫu chi tiết tương tự | | | | |
| | d. Bản vẽ thiết kế/kỹ thuật/triển khai, thiết kế mỹ thuật/thi công/mẫu, sơ đồ, phác thảo, sản phẩm và dịch vụ tương tự | | | | |
| | 14. Tiền bản quyền, phí giấy phép | | | | |
| | 15. Tiền thu được phải trả sau khi định đoạt, sử dụng hàng hoá | | | | |
| 16. Chi phí vận tải, bốc xếp, chuyển hàng | | | | | |
| 17. Chi phí bảo hiểm hàng hoá | | | | | |
| III. CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ | 18. Phí bảo hiểm, vận tải hàng hoá trong nội địa | | | | |
| | 19. Chi phí phát sinh sau khi nhập khẩu | | | | |
| | 20. Tiền lãi phải trả do việc thanh toán tiền mua hàng | | | | |
| | 21. Các khoản thuế, phí, lệ phí phải trả | | | | |
| | 22. Khoản giảm giá | | | | |
| IV. TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ | 23. Trị giá tính hải quan = 7 + 8 + ... + 17 - 18 - 19 - ... - 22 | | | | |
| | 24. Trị giá tính thuế bằng Đồng Việt Nam | | | | |

PHÂN XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ

| 6. Số thứ tự mặt hàng trong tờ khai hàng hoá nhập khẩu | | Mặt hàng số | Mặt hàng số | Mặt hàng số | Mặt hàng số |
|--|--|--|---|-------------|-------------|
| | | | | | |
| I. TRỊ GIÁ CƠ SỞ | 7. Giá mua ghi trên hoá đơn | | | | |
| | 8. Khoản thanh toán gián tiếp | | | | |
| | 9. Khoản tiền trả trước, ứng trước, đặt cọc | | | | |
| II. CÁC KHOẢN PHẢI CỘNG | 10. Chi phí hoa hồng bán hàng/phí môi giới | | | | |
| | 11. Chi phí bao bì gắn liền với hàng hoá | | | | |
| | 12. Chi phí đóng gói | | | | |
| | 13. Các khoản trợ giúp do người mua cung cấp miễn phí hoặc giảm giá | | | | |
| | a. Nguyên vật liệu, bộ phận cấu thành, phụ tùng, chi tiết tương tự | | | | |
| | b. Vật liệu, nhiều liệu, năng lượng tiêu hao | | | | |
| | c. Công cụ, dụng cụ, khuôn rập, khuôn đúc, khuôn mẫu, chi tiết tương tự | | | | |
| | d. Bản vẽ thiết kế/kỹ thuật/triển khai, thiết kế mỹ thuật/thi công/mẫu, sơ đồ, phác thảo, sản phẩm và dịch vụ tương tự | | | | |
| | 14. Tiền bản quyền, phí giấy phép | | | | |
| | 15. Tiền thu được phải trả sau khi định đoạt, sử dụng hàng hoá | | | | |
| 16. Chi phí vận tải, bốc xếp, chuyển hàng | | | | | |
| 17. Chi phí bảo hiểm hàng hoá | | | | | |
| III. CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ | 18. Chi phí bảo hiểm, vận tải hàng hoá trong nội địa | | | | |
| | 19. Chi phí phát sinh sau khi nhập khẩu | | | | |
| | 20. Tiền lãi phải trả do việc thanh toán tiền mua hàng | | | | |
| | 21. Các khoản thuế, phí, lệ phí phải trả | | | | |
| | 22. Khoản giảm giá | | | | |
| IV. TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ | 23. Trị giá hải quan = 7 + 8 + ... + 17 - 18 - 19 - ... - 22 | | | | |
| | 24. Trị giá tính thuế bằng Đồng Việt Nam | | | | |
| 25. Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên tờ khai này Ngày..... tháng..... năm 200..... (Người khai hải quan ghi rõ họ tên, chức danh, ký, đóng dấu) | | DANH RIÊNG CHO CÔNG CHỨC HẢI QUAN | | | |
| | | 26. Ghi chép của công chức hải quan tiếp nhận tờ khai | 27. Ghi chép của công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá tính thuế | | |
| | | (Ký, ghi rõ họ tên) | (Ký, ghi rõ họ tên) | | |

TRỊ GIÁ GIAO DỊCH

- (7) Giá mua ghi trên hóa đơn
- (8) Khoản thanh toán gián tiếp
- (9) Khoản tiền trả trước, ứng trước, đặt cọc

CÁC KHOẢN PHẢI CỘNG

- (10) Chi phí hoa hồng bán hàng/phí môi giới
- (11) Chi phí bao bì gắn liền với hàng hóa
- (12) Chi phí đóng gói
- (13) Các khoản trợ giúp người mua cung cấp miễn phí hoặc giảm giá
- (14) Tiền bản quyền, phí giấy phép
- (15) Tiền thu được phải trả sau khi định đoạt, sử dụng hàng hóa
- (16) Chi phí vận tải, bốc xếp, chuyển hàng
- (17) Chi phí bảo hiểm hàng hóa

CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ

- (18) Chi phí bảo hiểm, vận tải hàng hóa trong nội địa
- (19) Chi phí phát sinh sau khi nhập khẩu
- (20) Tiền lãi phải trả do việc thanh toán tiền mua hàng
- (21) Các khoản thuế, phí, lệ phí phải trả
- (22) Khoản giảm giá

* Người khai hải quan căn cứ quy định tại Mục II Hướng dẫn khai báo trị giá tính thuế trên tờ khai trị giá ban hành kèm theo Quyết định này để kê khai